**KHOE CỦA; CON RẮN VUÔNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *Khoe của; Con rắn vuông:*

+ Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

+ Nêu được nội dung bao quát của văn bản: nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

+ Nêu được những thay đổi, suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**2*.* Phẩm chất:** Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

  - Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

  - Thiết kế bài giảng điện tử.

  - Phương tiện và học liệu:

    + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

    + Học liệu: GV sử dụng tranh, ảnh, video liên quan.

    + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc.

**2. Học sinh**

- Đọc tài liệu có liên quan đến truyện cười.

- Đọc phần **Tri thức Ngữ văn** và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (HĐ cá nhân)**

**Câu hỏi 1:** Em hãy quan sát các bức tranh dưới đây và trả lời câu hỏi:

 

 

+ Các bức hình trên gợi nhắc cho em đến tật xấu nào của con người?

Sau khi HS trả lời xong câu hỏi 1, GV đặt câu hỏi 2.

**Câu hỏi 2:** Theo em khoe khoang và khoác lác khác nhau như thế nào?

**Dự kiến câu trả lời:**

**Câu hỏi 1:** Những bức hình gợi nhắc đến tật khoe khoang, khoác lác của con người.

**Câu hỏi 2:** Sự khác biệt giữa khoe khoang và khoác lác.

- Khoe khoang là cố ý làm cho người ta thấy, biết cái tốt đẹp, cái hay của mình, thường là bằng lời nói.

- Khoác lác là nói những điều quá xa sự thật hoặc không có trong thực tế để khoe khoang hoặc để đùa vui.

=> Như vậy, khoe khoang và khoác lác mặc dù khác nhau nhưng đôi khi cũng có những mối liên hệ nhất định – có thể khoác lác để khoe khoang một thứ gì đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện hoạt động học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào truyện cười, xâu chuỗi từ khoá, dẫn vào bài.

**🡺GV dẫn vào bài:**

*Trong hai văn bản tiếp theo của bài học 4, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về cách đọc hiểu truyện cười với đối tượng mà tiếng cưới hướng đến trong tác phẩm là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội. Ngoài thói keo kiệt, hà tiện, tác giả dân gian còn đề cập đến thói xấu khoe khoang, khoác lác của con người. Để hiễu rõ hơn về những điều đó, chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: “Khoe của”; “Con rắn vuông"*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2.1. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn và trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Tìm hiểu chung về văn bản “*Khoe của”; “Con rắn vuông”***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HĐ cá nhân**  - GV hướng dẫn HS đọc VB:  + Đọc kĩ từng phần của văn bản: đọc to, rõ ràng, chú ý các chỉ dẫn trong box bên tuyến phải trang sách – chủ yếu kĩ năng suy luận.  + Đọc và giải thích từ khó.  + Xác định phương thức biểu đạt.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB – Giải thích từ khó SGK.  - HS xác định phương thức biểu đạt của VB.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 – 2 HS đọc VB, chú thích, trình bày câu trả lời về phương thức biểu đạt.  - HS khác nghe, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của từng câu trả lời, về thái độ làm việc khi thảo luận của HS. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc – kể**  GV yêu cầu HS đọc văn bản:  + Giọng đọc: đọc to, rõ; phân biệt lời của các nhân vật (HS có thể đọc phân vai)  + Chú ý đến những chi tiết tiêu biểu  + Trong quá trình đọc, chú ý sử dụng kĩ năng suy luận, theo dõi (khi gặp câu hỏi trong khung cùng với VB, HS dừng đọc vài phút để tự suy nghĩ, trả lời rồi tiếp tục đọc).  **2. Giải thích từ khó (chú ý các từ chú thích dưới chân trang trong sgk)**  *Thước:* Tên gọi thông thường của mét.  **3. Phương thức biểu đạt:** Tự sự |

**2.2. Suy ngẫm và phản hồi**

**\*Các phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 03: TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ CỦA TRUYỆN CƯỜI QUA HAI VB**  **Em hãy hoàn thành các yêu cầu trong bảng dưới đây:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các yếu tố/yêu cầu** | ***Khoe của*** | ***Con rắn vuông*** | | **Đề tài**  (Xác định đề tài của truyện) |  |  | | **Bối cảnh**  (Xác định bối cảnh của truyện) |  |  | | **Nhân vật**  (Các nhân vật trong hai truyện hiện thân cho thói hư tật xấu nào mà truyện cười dân gian thường phê phán?  Liệt kê những lời đối đáp của các nhân vật trong hai truyện cười. Những lời đối đáp đó có vai trò như thế nào trong việc khắc họa tính cách nhân vật?) |  |  | | **Ngôn ngữ**  (Nhận xét về ngôn ngữ của 2 VB) |  |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT 04: TÌM HIỂU THỦ PHÁP GÂY CƯỜI TRONG HAI VB**  **Yêu cầu: Em hãy chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau trong thủ pháp gây cười ở hai truyện *Khoe của* và *Con rắn vuông* bằng việc hoàn thành bảng dưới đây:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thủ pháp** | | **Điểm giống nhau** | **Điểm khác nhau** | | | ***Khoe của*** | ***Con rắn vuông*** | | **1. Tạo tình huống trào phúng** | **a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động,...** |  |  |  | | **b. Kết hợp lời người kể chuyện và lời của nhân vật hoặc lời của các nhân vật...** |  |  |  | | **2. Sử dụng các biện pháp tu từ** | |  |  |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản  phẩm** |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản**  **\*NV1: Tìm hiểu đề tài, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ của hai VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:** Thảo luận theo 4 nhóm  Hoàn thành PHT 01  **+ Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu đề tài và nhân vật (theo yêu cầu trong PHT).  **+ Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu bối cảnh và ngôn ngữ (theo yêu cầu trong PHT).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận, hoàn thành PHT.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chuẩn kiến thức.  **\*NV2: Tìm hiểu thủ pháp gây cười ở hai VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ theo nhóm 2 bàn (kĩ thuật khăn trải bàn), thảo luận.  Hoàn thành PHT 02  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  - HS trao đổi, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  -GV gọi một số nhóm chia sẻ, trình bày kết quả.  - Nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung.  **\*NV3: Tìm hiểu cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc hai VB**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  HĐ cá nhân trả lời câu hỏi:  - Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.  - Em rút ra được bài học gì sau khi đọc hai VB truyện cười này?  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - GV gọi 1 – 2 HS trả lời.  - HS khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**   1. **Đặc điểm thể loại truyện cười qua hai VB**  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các yếu tố/**  **yêu cầu** | ***Khoe của*** | ***Con rắn vuông*** | | **Đề tài** | Khoe khoang | Khoác lác | | **Bối cảnh** | Không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | Không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ. | | **Nhân vật**  (Các nhân vật trong hai truyện hiện thân cho thói hư tật xấu nào mà truyện cười dân gian thường phê phán?  Liệt kê những lời đối đáp của các nhân vật trong hai truyện cười. Những lời đối đáp đó có vai trò như thế nào trong việc khắc họa tính cách nhân vật?) | - Cả 2 nhân vật (anh tìm lợn và anh có áo mới) đều là hiện thân của sự khoe khoang.  - Điều đó được thể hiện rõ qua lời đối đáp của 2 nhân vật:  + **Anh tìm lợn:** Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?  + **Anh mặc áo mới:** Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả  *=>* Cả 2 nhân vật đều cố ý nói thừa thông tin (vi phạm phương châm về lượng) với mục đích khoe khoang “lợn cưới” và “áo mới” của mình. | - Nhân vật anh nói khoác (người chồng), hiện thân của tật xấu khoác lác.  - Điều đó được thể hiện rõ qua lời đối đáp của anh chồng với người vợ của mình:  + **Người chồng:** Này mình ạ, hôm nay tôi đi vào rừng thấy một con rắn...Ôi chao là to! Bề ngang thì đến hai mươi thước, bề dài đến một trăm hai mươi thước ấy!  + **Người vợ:** Làm gì có thứ rắn dài như thế?  + **Người chồng:** Mình không tin à? Chẳng một trăm hai mươi thước thì cũng một trăm thước.  ....  => Lời đối đáp góp phần khắc họa chân dung anh nói khoác này, đồng thời cũng phản ánh quá trình “gài bẫy” để nhân vật tự bộc lộ bản chất của mình. | | **Ngôn ngữ**  (Nhận xét về ngôn ngữ của 2 VB | Ngắn gọn, súc tích, hài hước. Đặc biệt lời đối đáp các nhân vật cố ý nói thừa thông tin. Từ đó gây cười và khắc họa rõ nét tính cách nhân vật. | Ngắn gọn, súc tích, hài hước. Đặc biệt lời đối đáp của các nhân vật người chồng và người vợ là quá trình “gài bẫy” để nhân vật bộc lộ tật xấu khoác lác của mình. |   **\* Thủ pháp gây cười**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thủ pháp** | | **Điểm giống nhau** | **Điểm khác nhau** | | | 1. Tạo tình huống trào phúng | a. Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, giữa thật và giả, giữa lời nói và hành động | Mâu thuẫn trong lời nói của các nhân vật mà tiếng cười hướng đến (anh tìm lợn và anh mặc áo mới; anh chồng khoác lác | Cả 2 nhân vật trong truyện đều cố ý nói thừa những thông tin không cần thiết với mục đích khoe khoang. Nếu bị mất lợn thì chỉ cần đi hỏi thông tin về con lợn đã mất, đằng nà còn nhấn mạnh đây là con lợn cưới. Đáng lẽ chỉ cần trả lời ngắn gọn có thấy hay không thì nhân vật lại cố hướng người nghe tập trung vào chiếc áo anh ta đang mặc. | Đó là mâu thuẫn trong lời miêu tả của anh chàng khoác lác về bề ngang và bề dài của con rắn. Con rắn trong lời miêu tả của nhân vật trở thành con rắn vuông. Điều này đã lật tẩy bản chất khoác lác của nhân vật này. | | b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời của các nhân vật... | Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời của các nhân vật... | + Tình huống hai anh có tính hay khoe của gặp nhau, cả 2 đều cố ý nói thừa thông tin để khoe khoang.  + Câu chuyện kết thúc bằng câu nói của anh mặc áo mới: *‘Từ lúc tôi mặc cái áo mới này,...”*  => Câu nói này tương đồng với câu nói của anh đi tìm lợn và do đó tạo nên tiếng cười cho câu chuyện, dường như những người khoe khoang họ đều dùng chung một cách thức để đạt được mục đích của mình. | + Tình huống anh nói khoác bị vợ “gài bẫy” để tự bộc lộ bản chất khoác lác của mình.  Câu chuyện kết thúc bằng câu nói của người vợ => lật tẩy bản chất khoác lác của người chồng: *“Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?”* | | 2. Sử dụng các biện pháp tu từ | | Biện pháp khoa trương, phóng đại. | Chân dung lạ đời của hai anh chàng khoe khoang(anh chàng khoe áo mới thì đứng mãi từ sáng đến chiều đợi người khen, anh chàng bị mất lợn cố ý khoe khoang ngay trong tình huống “tất tả chạy đến”. | Lời thoại của anh chàng khoác lác. |   **2. Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả và suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc hai văn bản**  **- Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả:**  **+** Tác giả dân gian muốn phê phán thói khoe khoang, khoác lác trong xã hội.  + Tác giả đã quan sát tính cách khoe khoang, khoác lác dưới góc nhìn hài hước, xây dựng những bước chân dung lạ đời, qua đó phê phán những hiện tượng này.  **- Suy ngẫm về cách sống của bản thân sau khi đọc:** Nhận thức được thói khoe khoang, khoác lác là một tật xấu. Chúng ta không nên khoác lác, phóng đại sự thật mà phải trung thực, tôn trọng sự thật. Nếu cố chấp nói khoác, câu chuyện của bạn sẽ bị phát hiện và tạo thành câu chuyện cười cho những người khác, tự mình làm xấu mình. |

**2.3. Hướng dẫn tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - GV hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức, kĩ năng. | **III. Tổng kết**   1. **Nghệ thuật**   - Truyện tạo tình huống trào phúng.  - Sử dụng các biện pháp tu từ khoa trương phóng đại.  - Sự độc đáo trong lời đối đáp của các nhân vật.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Hai văn bản phê phán thói hư tật xấu của một số người, đó là thói khoe khoang, khoác lác. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a.  Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi *“Đưa mật về tổ”***

**GV phổ biến luật chơi:** Các chú ong chăm chỉ đang miệt mài đưa mật về tổ của mình. Mỗi câu trả lời đúng của các bạn sẽ giúp hành trình của các chú ong nhanh hơn. Hãy cố gắng giúp các chú ong nhé! Chúc bạn may mắn!

Gợi ý nhóm câu hỏi:

**Câu 1:** Xác định đề tài của hai truyện cười *Khoe của.*

***Đáp án:*** Thói khoe khoang.

**Câu 2:** Xác định bối cảnh của hai truyện cười *Khoe của* và *Con rắn vuông.*

***Đáp án:*** Bối cảnh không xác định.

**Câu 3:** Đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong VB *Con rắn vuông* là nhân vật nào?

***Đáp án****:* Người chồng.

**Câu 4:** Điểm giống nhau về thủ pháp gây cười *Sử dụng các biện pháp tu từ* trong hai truyện cười vừa học xong là gì?

***Đáp án:*** Sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại.

**Câu 5:** Đối tượng mà tiếng cười hướng đến trong VB *Khoe của* là nhân vật nào?

***Đáp án:*** Cả 2 nhân vật: anh tìm lợn và anh mặc áo mới.

**Câu 6:** Trong truyện *Khoe của,* lời đối đáp của 2 nhân vật vi phạm phương châm hội thoại nào?

***Đáp án:*** Vi phạm phương châm về lượng (câu hỏi và câu đáp nói thừa những thông tin không cần thiết).

**Câu 7:** Nhân vật trong hai truyện cười vừa học thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?

***Đáp án:*** Loại nhân vật thứ nhất – những con người mang thói xấu phổ biến trong xã hội là thói khoe khoang, khoác lác.

**Câu 8:** Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua hai truyện cười vừa học.

***Đáp án:*** Phê phán thói hư tật xấu khoe khoang, khoác lác của con người.

**Câu 9:** Tác giả của hai truyện cười vừa học là ai?

***Đáp án:*** Tác giả dân gian.

**Câu 10:** Chỉ ra mâu thuẫn gây cười trong truyện *Con rắn vuông.*

***Đáp án:*** Đó là mâu thuẫn trong lời miêu tả của anh chàng khoác lác về bề ngang và bề dài của con rắn. Con rắn qua lời miêu tả của nhân vật trở thành con rắn vuông. Từ đó đã lật tẩy bản chất khoác lác của nhân vật anh chồng này.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Đóng tiểu phẩm, vẽ tranh**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Lớp chia thành 4 nhóm và thực hiện yêu cầu: Nhóm chọn 1 trong 2 yêu cầu sau:  **Yêu cầu 1:**  + HS vẽ tranh minh họa 1 trong 2 truyện cười đã học.  + Dựa vào tranh, kể lại truyện cười.  **Yêu cầu 2:**  + Các nhóm viết kịch bản, dựng thành tiểu phẩm dựa vào một trong hai truyện cười trên.  + Biểu diễn tiểu phẩm trước lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện theo yêu cầu của GV  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 – 2 nhóm lên biểu diễn tiểu phẩm.  Nhóm khác theo dõi, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung.  **\*Nhiệm vụ 2: Viết đoạn văn**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật động não.  Đề bài: *Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu tác hại của thói khoe khoang, khoác lác.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ trao đổi, thảo luận tìm ý tại lớp theo kĩ thuật think-pair-share.  - Sau đó, về nhà viết đoạn văn và chia sẻ sản phẩm vào buổi học sau.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề dựa trên các tiêu chí trong **Rubric (Phụ lục)**  - GV nhận xét, kết luận. | **\*Nhiệm vụ 1: Đóng tiểu phẩm, vẽ tranh**  + Tranh vẽ và lời kể của HS.  +Tiểu phẩm của học sinh.  **Nhiệm vụ 2: Viết đoạn văn**  **\* Yêu cầu về hình thức:** Đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng.  **\* Yêu cầu về nội dung:** Tác hại của thói khoe khoang, khoác lác.  HS có thể tham khảo ý kiến sau:  - Hình thành thói quen xấu, trở thành người thiếu trung thực.  - Mất niềm tin của mọi người xung quanh đối với mình, bị mọi người xa lánh.  - Dễ ảo tưởng về bản thân, không nhìn nhận trung thực về bản thân, từ đó, không chí hướng phấn đấu, vươn lên.  - Có thể trở thành trò cười cho người khác.  - Dẫn chứng: Giống như hai truyện cười trên, các nhân vật anh tìm lợn, anh mặc áo mới, anh chồng với bản tính khoe khoang, khoác lác đã trở thành đối tượng phê phán của truyện cười.  - Bài học: Sống khiêm tốn, tôn trọng sự thật. |

* **GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm học tập nhiệm vụ 1 – đóng tiểu phẩm, vẽ tranh:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| - Vẽ tranh minh hoạ nội dung các văn bản truyện đã học**,** đã đọc  - Kể lại truyện theo tranh   1. **điểm)** | - Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  - Kể chưa rành mạch, rõ ràng, chưa đầy đủ chi tiết.  **(5–6 điểm)** | - Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  - Kể được đầy đủ chi tiết nhưng chưa diễn cảm, chưa rút ra bài học.  **(7– 8 điểm)** | - Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  Kể chuyện diễn cảm, rút ra được bài học từ câu chuyện.  **(9 - 10 điểm)** |
| Đóng tiểu phẩm  **(10 điểm)** | Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt.  **(5 – 6 điểm)** | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất hài hước nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. **(7 – 8 điểm)** | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất hài hước, đúng sắc thái tiếng cười mang lại cảm xúc cho người xem.  **(9 - 10 điểm)** |

* **Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề** **- nhiệm vụ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề*:*** tác hại của thói khoe khoang, khoác lác **(10 điểm)** | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.   ( 5 – 6 điểm) | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày thuyết phục về vấn đề cần bàn luận.   (7- 8 điểm) | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, có dẫn chứng thuyết phục, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.   (9- 10 điểm) |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc lại đoạn văn của mình và hoàn chỉnh đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện rõ thái độ, quan điểm của mình chưa? Các lí lẽ, dẫn chứng có thuyết phục người đọc theo quan điểm đó không?

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc các văn bản truyện cười khác

- Chuẩn bị VB *Đọc kết nối chủ điểm”: Tiếng cười có lợi ích gì?* (Theo O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn)